

CN C.TY CP BỆNH VIỆN
ĐKQT VINMEC
BỆNH VIỆN ĐKQT VINMEC
NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 768/BCB-VMNT

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 07 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: **SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA**

Tên cơ sở công bố: BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC NHA TRANG
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 191/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp
ngày 14/09/2020.

Địa chỉ: Đường Trần Phú, Tổ dân phố 1 Tây Sơn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh
Hòa

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: ThS.BS Phan Quốc Dũng

Điện thoại liên hệ: 0258 3900 168 Email (nếu có): info.NT@vinmec.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính
phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở
công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau
đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng (*Danh mục mẫu
kèm theo- Phụ lục 1*)
2. Trình độ đào tạo thực hành: Cao đẳng (*Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1*)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (*Danh
mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1*)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (*Danh mục mẫu kèm
theo- Phụ lục 2*).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế
răng tại mỗi khoa phòng: (*Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2*)
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (*Danh
mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3*).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

(Kính gửi: Quý cơ quan, tên và đóng dấu)



ThS.BS. Phan Quốc Dũng

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH (Tại 1 thời điểm)

Kèm theo công văn số 768/VMNT – KHTH ngày 15 tháng 7 năm 2025

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|----------------------------|---------------|-------------|---------------------------|------------------------------------|--|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| Cao đẳng Điều dưỡng | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 6720301 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Điều dưỡng cơ bản | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ. - Di chuyển người bệnh. - Vệ sinh răng miệng cho người bệnh. - Chuẩn bị dụng cụ tiệt khuẩn. - Đo dấu hiệu sinh tồn. - Cho người bệnh uống thuốc. - Pha thuốc kháng sinh. - Tiêm bắp, tiêm dưới da, Tiêm tĩnh mạch, truyền dịch. - Thông tiêu - Cho người bệnh ăn qua sonde mũi – dạ dày - Lấy máu xét nghiệm. - Cho người bệnh thở oxy qua canula. - Hút đờm nhớt hô hấp trên. - Thay băng vết thương thường. - Chăm sóc ống dẫn lưu. - Cắt chỉ vết khâu | Khoa Nội chung | 3 | 15 | 12 | 20 | 0 | 05 |
| | | | | | | Khoa Ngoại tổng hợp | 3 | 15 | 16 | 20 | 0 | 05 |
| | | | | | | Khoa Nhi | 2 | 15 | 10 | 20 | 0 | 05 |
| | | | | | | Khoa Hồi sức cấp | 4 | 15 | 4 | 20 | 0 | 05 |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|--|--|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| | | | | | | cứu | | | | | | |
| 2 | 6720301 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Chăm sóc Nội – Chăm sóc Ngoại | <p>1. Nội khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập KHCS người bệnh bệnh lý hệ tiêu hóa. - Lập KHCS người bệnh bệnh lý hệ hô hấp. - Lập KHCS người bệnh bệnh lý hệ tiết niệu. - Lập KHCS người bệnh bệnh lý hệ nội tiết. - Lập KHCS người bệnh bệnh lý hệ thần kinh. <p>2. Ngoại khoa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập KHCS người bệnh bệnh lý hệ tiêu hóa. - Lập KHCS người bệnh bệnh lý ngoại tiêu hóa. - Lập KHCS người bệnh bệnh lý ngoại tiết niệu. - Lập KHCS người bệnh bệnh lý ngoại xương khớp. | Khoa Nội chung | 3 | 15 | 12 | 20 | 0 | 05 |
| | | | | | | Khoa Ngoại tổng hợp | 3 | 15 | 16 | 20 | 0 | 05 |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tin chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|--|---|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| 3 | 6720301 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Chăm sóc Sân – Chăm sóc Nhi | <p>1. Tại phòng Khám thai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thai phụ đến khám và theo dõi thai kỳ tại khoa sản. - Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng đầu thai kỳ. - Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng giữa thai kỳ. - Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng cuối thai kỳ. <p>2. Tại phòng Sinh và phòng Theo dõi 02 giờ đầu ngay sau sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi các dấu hiệu chuyển dạ. - Kỹ thuật đỡ đẻ thường. - Khám và nhận định trẻ sơ sinh sau sinh. <p>3. Tại phòng Hậu sản và Hậu phẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi và chăm sóc vết may tầng sinh môn - Tư vấn và hướng dẫn cho sản phụ nuôi con bằng sữa mẹ. - Hướng dẫn sản phụ áp dụng các biện pháp tránh thai sau sinh. - Kỹ thuật tiêm ngừa Viêm gan siêu vi B, BCG cho trẻ sau sinh. - Kỹ thuật tắm trẻ thường ngày. - Kỹ thuật thay băng vết mổ lấy thai. <p>4. Tại phòng Sản bệnh lý và Kế hoạch hóa gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch chăm sóc thai phụ có bệnh lý trong 3 tháng đầu thai kỳ. - Lập kế hoạch chăm sóc thai phụ có bệnh lý trong 3 tháng cuối thai kỳ. - Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị nhiễm khuẩn đường sinh sản/bi rối loạn | Khoa Sân phụ khoa | 01 | 15 | 10 | 20 | 0 | 05 |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tin chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|------------------------------------|---|--|---|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| | | | | | Chăm sóc sức khỏe Nhi: - Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ. - Đo dấu hiệu sinh tồn. - Cho người bệnh uống thuốc. - Pha thuốc kháng sinh. - Tiêm bắp, tiêm dưới da, Tiêm tĩnh mạch, truyền dịch. - Thông tiểu - Cho người bệnh ăn qua sonde mũi – dạ dày - Lấy máu xét nghiệm. - Cho người bệnh thở oxy qua canula. - Hút đờm nhớt hô hấp trên. - Thay băng vết thương thường. - Thay băng vết thương dẫn lưu. - Cắt chỉ vết khâu. - Cho người bệnh thở oxy. - Hút đờm nhớt. - Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý hệ tiêu hóa. - Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý hệ hô hấp. - Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý hệ tiết niệu. - Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý hệ tuần hoàn. | Khoa Nhi | 02 | 15 | 10 | 20 | 0 | 05 |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|--|--|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| 4 | 6720301 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Chăm sóc Người cao tuổi – Chăm sóc Cấp cứu & chăm sóc tích cực | 1. Chăm sóc người cao tuổi: - Lập KHCS người bệnh cao tuổi mắc bệnh xương khớp. - Lập KHCS người bệnh cao tuổi mắc bệnh nhiễm trùng. - Lập KHCS người bệnh cao tuổi mắc bệnh Alzheimer. | Khoa Nội chung | 03 | 15 | 12 | 20 | 0 | 05 |
| | | | | | 2. Chăm sóc Cấp cứu & chăm sóc tích cực - Phụ giúp BS đặt catheter TMTT - Theo dõi người bệnh bằng máy bedside monitor. - Tiêm thuốc bằng máy bơm tiêm điện. - Truyền dịch bằng máy truyền dịch tự động. - Hút đờm nhớt đường hô hấp dưới. - Cho người bệnh thở oxy qua mặt nạ. - Lập KHCS người bệnh ngộ độc. - Lập KHCS người bệnh điện giật. - Lập KHCS người bệnh rắn độc cắn. - Lập KHCS người bệnh shock. | Khoa Hồi sức tích cực | 04 | 15 | 04 | 20 | 0 | 05 |
| 5 | 6720301 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Chăm sóc Người bệnh Truyền nhiễm | - Trợ giúp BS chọc dịch não tủy. - Lập KHCS người bệnh lỵ. - Lập KHCS người bệnh cúm. - Lập KHCS người bệnh thủy đậu. - Lập KHCS người bệnh viêm màng não mù. - Lập KHCS người bệnh HIV | Khoa Nội – Truyền nhiễm | 03 | 15 | 12 | 20 | 0 | 05 |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tin chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|------------------------------------|--|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| | | | | | - Lập KHCS người bệnh uốn ván. | | | | | | | |
| 6 | 6720301 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Thực tập tốt nghịệp | <p>1. Thực tập thực tế Nội – Truyền nhiễm</p> <p>* Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hành chính (Thu nhập thông tin về bệnh nhân và các giấy tờ có liên quan ...) - Lấy dấu hiệu sinh tồn, cân cho bệnh nhân - Hướng dẫn nội quy khoa, phòng của bệnh viện - Giải thích, động viên bệnh nhân. <p>* Chăm sóc bệnh nhân bệnh về hệ tim mạch (tăng huyết áp, suy tim, nhồi máu cơ tim, tâm phế mãn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng. - Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc. - Hướng dẫn, giáo dục cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân. <p>* Chăm sóc bệnh nhân hệ hô hấp (áp xe phổi, COPD...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng. - Nhận định và triệu chứng lâm sàng. - Hướng dẫn, giáo dục cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân. <p>* Chăm sóc bệnh nhân hệ nội tạng – tiêu hóa (xơ gan, loét dạ dày tá tràng, xuất huyết tiêu hóa, suy thận mãn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc. - Hướng dẫn, giáo dục cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân. <p>* Chăm sóc bệnh nhân bệnh lý, trực trùng,</p> | Khoa Nội – Truyền nhiễm | 03 | 15 | 12 | 20 | 0 | 05 |

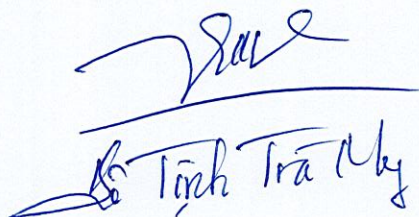
| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|------------------------------------|--|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| | | | | | <p>ly, amip, cúm thủy đậu, quai bị, viêm gan siêu vi, viêm màng não mủ, uốn ván.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc. - Hướng dẫn, giáo dục cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân. <p>* Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhân - Tiêm tĩnh mạch, tiêm tĩnh mạch qua catheter, Tiêm bắp, Tiêm trong da, Tiêm dưới da, Tiêm truyền dung dịch. - Cho bệnh nhân uống thuốc - Thay drap giường - Cho người bệnh thở oxy - Hút đờm nhớt - Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm. - Phun khí dung - Thông tiểu thường, thông tiểu liên tục. - Đo điện tim - Cho bệnh nhân ăn qua sonde mũi – dạ dày. - Tiêm – truyền qua bơm tiêm tự động. - Tư vấn giáo dục cho thân nhân và người bệnh nội khoa | | | | | | | |
| | | | | | <p>2. Thực tập thực tế Ngoại khoa</p> <p>*Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa ngoại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hành chính (Thu nhập thông tin về bệnh nhân và các giấy tờ có liên quan ...) - Lấy dấu hiệu sinh tồn, cân cho bệnh nhân | Khoa Ngoại tổng hợp | 03 | 15 | 16 | 10 | 0 | 05 |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|------------------------------------|---|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn nội quy khoa, phòng của bệnh viện - Giải thích, động viên bệnh nhân. * Nhận định một số bệnh thường gặp ở bệnh nhân ngoại khoa: <ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng bệnh nhân (tổng trạng, tri giác, dấu sinh tồn...) - Triệu chứng lâm sàng. - Biện pháp theo dõi và chăm sóc. - Biện pháp phòng bệnh và giáo dục sức khỏe. * Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật. <ul style="list-style-type: none"> - Đo và theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở cho người bệnh. - Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp, tiêm truyền dung dịch. - Hút đờm nhớt. - Cho người bệnh thở oxy. - Gội đầu, vệ sinh cho người bệnh ngoại khoa. - Thay băng có ống dẫn lưu. - Cắt chỉ vết thương, thay băng, chăm sóc vết thương. - Thông tiêu thường, thông tiêu liên tục, Rửa bàng quang. - Lấy máu và các bệnh phẩm xét nghiệm - Thay vải giải giường, thay quần áo cho người bệnh sau phẫu thuật. | | | | | | | |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tài khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-------------|---------------|-------------|---------------------------|------------------------------------|---|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Cho bệnh nhân ăn qua ống thông mũi – dạ dày. - Phụ tiếp dụng cụ phẫu thuật đơn giản. - Phụ giúp bác sỹ cố định gãy xương, bó bột. - Phụ giúp bác sỹ trích nhọt, áp xe, làm tiểu phẫu. - Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ - Theo dõi, xử trí các loại ống dẫn lưu sau phẫu thuật. - Bơm rửa ống dẫn lưu mật {Kehr}. - Cách đo điện tâm đồ. - Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa. - Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân của người bệnh. | | | | | | | |
| | | | | | <p>3. Thực tập thực tế Nhi khoa</p> <p>*Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa nhi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hành chính (Thu nhập thông tin về bệnh nhân và các giấy tờ có liên quan ...) - Lấy dấu hiệu sinh tồn, cân cho bệnh nhân - Hướng dẫn nội quy khoa, phòng của bệnh viện - Giải thích, động viên bệnh nhân. <p>*Chăm sóc trẻ bệnh viêm phổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc. - Hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân. | Khoa Nhi | 02 | 15 | 10 | 20 | 0 | 05 |

| S T T | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tin chỉ | Nội dung | Tên khoa/ đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|------------------|---------------|-------------|---------------------------|------------------------------------|----------|--|--|---|--|--|----------------------------|---------------------------------------|
| Tổng cộng | | | | | | | 15 | 54 | 10 | 20 | 0 | 05 |

Người lập bảng


Trịnh Trà My

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 8 năm 2025
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



ThS.BS. Phạm Quốc Dũng

Phụ lục 2.
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Kèm theo công văn số 702 /VMNT – KHTH ngày 15 tháng 7 năm 2025

| S T T | Họ và tên | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghi ệm KC B | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học | Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành | Số giường đạt yêu cầu thực hành |
|-------------|---------------------------|---|---|---------------------------|--|--|---|--|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 | Lê Ngọc Đức Việt | CNDD | Điều dưỡng | 004576/ KH- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLTBYT- BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y | 13 | Chăm sóc người cao tuổi – CS Cấp cứu & CS tích cực | <p>Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. Thực hành công việc chăm sóc toàn viện và độc lập tại các khoa. Tiếp nhận bệnh nhân và tư vấn hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh. Học tập được mô hình tổ chức, sắp xếp, cấu trúc của khoa phòng thực tập.</p> <p>Nhận định và đánh giá mô hình chăm sóc, nhân lực tại khoa thực tập, Quản lý trang thiết bị, vật tư tiêu hao.</p> <p>Giao tiếp, ứng xử - giao dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân. Nhận định</p> | Khoa Hồi sức cấp cứu | 4 |



| S T T | Họ và tên | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghị êm KC B | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học | Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành | Số giờ đạt yêu cầu thực hành |
|-------------|------------------------|---|---|---------------------------|---|--|--|---|---|--|
| 2 | Lại Thị Thu Bồn | CNDD | Điều dưỡng | 0001863/ KH - CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ_BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | 15 | | triệu chứng lâm sàng các bệnh khoa hồi sức thường gặp trên bệnh nhân. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân khoa hồi sức. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trong chăm sóc bệnh nhân hồi sức. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác. | Khoa Hồi sức cấp cứu | 4 |
| 3 | Trương Ngọc Tuần | CNDD | Điều dưỡng | 001044/ KH - CCHN | Ngạch viên chức Y tế điều dưỡng | 18 | | | Khoa Hồi sức cấp cứu | 4 |
| 4 | Thiệu Đắc Thịnh | CNDD | Điều dưỡng | 0003817/ KH- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ_BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | 11 | | | Khoa Hồi sức cấp cứu | 4 |

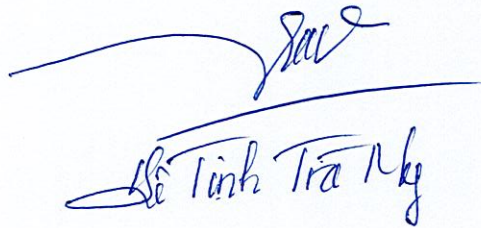
| S T T | Họ và tên | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghị êm KC B | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học | Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành | Số giờ đạt yêu cầu thực hành |
|-------------|--------------------------------|---|---|---------------------------|---|--|---|---|---|--|
| 5 | Lê Chí Hiếu | Thạc sĩ | Điều dưỡng | 0002987/ KH- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | 15 | - Điều dưỡng cơ bản. - Chăm sóc Nội - Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm. | Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. Thực hành công việc chăm sóc toàn viện và độc lập tại các khoa. Tiếp nhận bệnh nhân và tư vấn hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh. Học tập được mô hình tổ chức, sắp xếp, cấu trúc của khoa phòng thực tập. | Khoa Nội chung | 12 |
| 6 | Đào Thị Nhu Quỳnh | CNDD | Điều dưỡng | 001326/ KH- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết Định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | 22 | - Thực tập tốt nghiệm Nội – truyền nhiễm | Nhận định và đánh giá mô hình chăm sóc, nhân lực tại khoa thực tập, Quản lý trang thiết bị, vật tư tiêu hao. Giao tiếp, ứng xử - giao dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân. Tiếp nhận người bệnh, quản lý buồng bệnh. Thực hiện kỹ năng điều dưỡng cơ bản nội khoa, và kỹ thuật đặc thù của khoa nhiễm. Nhận định và theo dõi bệnh nhân mỗi ngày. Xây dựng quy trình điều dưỡng nội – nhiễm. | Khoa Nội chung | 12 |
| 7 | Nguyễn Thị Hồng Trang | CNDD | Điều dưỡng | 001287/ KH- CCHN | Ngạch viên chức Y tế điều dưỡng | 15 | | | Khoa Nội chung | 12 |
| 8 | Nguyễn Thị | CNDD | Hộ sinh | 005956/ KH- | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên | 12 | - Chăm sóc Sản | Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. | Khoa Sản | 12 |

| S T T | Họ và tên | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghị em KC B | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học | Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành | Số giờ đạt yêu cầu thực hành |
|-------------|---------------------|---|---|---------------------------|---|--|--|---|---|--|
| | Bích Nhạn | | | CCHN | môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | | - Thực tập tốt nghiệp Sân khoa | Thực hành công việc chăm sóc toàn viện và độc lập tại các khoa. Tiếp nhận bệnh nhân và tư vấn hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh. Học tập được mô hình tổ chức, sắp xếp, cấu trúc của khoa phòng thực tập. Nhận định và đánh giá mô hình chăm sóc, nhân lực tại khoa thực tập, Quản lý trang thiết bị, vật tư tiêu hao. Giao tiếp, ứng xử - giao dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân. Tiếp nhận người bệnh, quản lý buồng bệnh. Thực hiện kỹ năng hộ sinh cơ bản chăm sóc sản phụ và bà mẹ sau sinh. Nhận định và theo dõi bệnh nhân mỗi ngày. Xây dựng quy trình chăm sóc hộ sinh. | | |
| 9 | Lê Khánh Hằng | CNDD | Điều dưỡng | 0001861/ KH- CCHN | Ngạch viên chức Y tế điều dưỡng | 15 | - Chăm sóc Ngọc khoa - Thực tập tốt | Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. Thực hành công việc chăm sóc toàn viện và độc lập tại các khoa. Tiếp nhận bệnh nhân và tư vấn hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh đến khám chữa | Khoa Ngoại tổng hợp | 16 |

| S T T | Họ và tên | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghị êm KC B | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học | Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành | Số gường đạt yêu cầu thực hành |
|-------------|-----------------------------|---|---|---------------------------|------------------------------------|--|---|---|---|--|
| 1 0 | Trần Thụy Bảo Trâm | CNDD | Điều dưỡng | 0004196/ KH- CCHN | Ngạch viên chức Y tế điều dưỡng | 11 | ngoại khoa | bệnh. Học tập được mô hình tổ chức, sắp xếp, cấu trúc của khoa phòng thực tập. Nhận định và đánh giá mô hình chăm sóc, nhân lực tại khoa thực tập, Quản lý trang thiết bị, vật tư tiêu hao. Giao tiếp, ứng xử - giao dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân. Tiếp nhận người bệnh, quản lý buồng bệnh. Thực hiện kỹ năng hộ sinh cơ bản chăm sóc người bệnh ngoại khoa, người bệnh sau phẫu thuật. Nhận định và theo dõi bệnh nhân mỗi ngày. Xây dựng quy trình điều dưỡng chăm sóc sau hậu phẫu. | Khoa Ngoại tổng hợp | 16 |
| 1 1 | Lê Tấn Lực | Thạc sĩ | Điều dưỡng | 013546/ HCM - CCHN | Điều dưỡng gây mê hồi sức | 13 | | | Khoa Ngoại tổng hợp | 16 |
| 1 2 | Lê Thị Hiên | CNDD | Điều dưỡng | 010616/ HCM - CCHN | Ngạch viên chức Y tế điều dưỡng | 18 | - Chăm sóc Nhi - Thực tập tốt ngoại khoa | Nhận định chức năng, nhiệm vụ của khoa, vai trò của người điều dưỡng. Thực hành công việc chăm sóc toàn viện và độc lập tại các khoa. Tiếp nhận bệnh nhân và tư vấn hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh đến khám chữa bệnh. Học tập được mô hình tổ chức, sắp xếp, cấu trúc của khoa phòng thực tập. | Khoa Nhi | 10 |
| 1 3 | Cao Thị Mỹ Châu | CNDD | Điều dưỡng | 0004052/ KH- CCHN | Ngạch viên chức Y tế điều dưỡng | 11 | | Nhận định và đánh giá mô hình chăm sóc, nhân lực tại khoa thực tập, Quản lý trang thiết bị, vật tư tiêu hao. Giao tiếp, ứng xử - giao dục sức khỏe | Khoa Nhi | 10 |

| S T T | Họ và tên | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghị ệm KC B | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học | Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành | Số giường đạt yêu cầu thực hành |
|-------------|----------------------|---|---|---------------------------|------------------------------------|--|--|--|---|---|
| 1 4 | Trần Anh Trình | CNDD | Điều dưỡng | 003695/ KH- CCHN | Ngạch viên chức Y tê điều dưỡng | 19 | | cho bệnh nhân và thân nhân. Tiếp nhận người bệnh, quản lý buồng bệnh. Thực hiện kỹ năng hộ sinh cơ bản chăm sóc trẻ nhi – sơ sinh. Nhận định và theo dõi bệnh nhân mỗi ngày. Xây dựng quy trình chăm sóc trẻ nhi – sơ sinh | Khoa Nhi | 10 |

Người lập bảng


Lê Tinh Trà Mỹ

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



ThS.BS. Phạm Quốc Dũng

Phụ lục 3.
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Kèm theo công văn số ~~70~~ **18**/VMNT – KHTH ngày ~~15~~ **7** tháng ~~7~~ **7** năm 2025

I. CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

| STT | Tên trang thiết bị | Số lượng | Ghi chú |
|------------|-----------------------------|----------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| I | Hội trường | | |
| 1 | Phòng học | 3 | |
| 2 | Máy tính (laptop) | 3 | |
| 3 | Máy chiếu | 3 | |
| 4 | Màn chiếu | 3 | |
| 5 | Âm thanh (bộ) | 2 | |
| 6 | Bảng viết | 2 | |
| II | Khoa Nội chung | | |
| 1 | Giường bệnh | 10 | |
| 2 | Phòng giao ban tại khoa | 1 | |
| 3 | Bộ đo huyết áp | 4 | |
| 4 | Máy bơm tiêm điện | 6 | |
| 5 | Máy điện tim | 1 | |
| 6 | Máy truyền dịch tự động | 6 | |
| III | Khoa Hồi sức cấp cứu | | |
| 1 | Giường bệnh cấp cứu | 7 | |
| 2 | Giường bệnh hồi sức | 4 | |
| 3 | Phòng giao ban tại khoa | 1 | |
| 4 | Bộ đo huyết áp | 4 | |
| 5 | Máy bơm tiêm điện | 6 | |
| 6 | Máy điện tim | 1 | |
| 7 | Máy truyền dịch tự động | 6 | |
| 8 | Máy Monitor | 3 | |
| 9 | Vali Cấp cứu | 4 | |
| IV | Khoa Ngoại tổng hợp | | |
| 1 | Giường bệnh | 12 | |
| 2 | Phòng giao ban tại khoa | 1 | |
| 3 | Bộ đo huyết áp | 4 | |
| 4 | Máy bơm tiêm điện | 4 | |
| 5 | Máy điện tim | 1 | |
| 6 | Máy truyền dịch tự động | 4 | |
| V | Khoa Sản phụ khoa | | |
| 1 | Giường bệnh | 10 | |
| 2 | Phòng giao ban tại khoa | 1 | |
| 3 | Bộ đo huyết áp | 4 | |



| | | | |
|-----------|---------------------------|----|--|
| 4 | Máy bơm tiêm điện | 4 | |
| 5 | Máy điện tim | 1 | |
| 6 | Máy truyền dịch tự động | 4 | |
| 7 | Máy nghe tim thai | 2 | |
| 8 | Giường sưởi ấm em bé | 1 | |
| VI | Khoa Nhi – sơ sinh | | |
| 1 | Giường bệnh | 10 | |
| 2 | Phòng giao ban tại khoa | 1 | |
| 3 | Bộ đo huyết áp | 4 | |
| 4 | Máy bơm tiêm điện | 4 | |
| 5 | Máy điện tim | 1 | |
| 6 | Máy truyền dịch tự động | 4 | |
| 7 | Máy phun khí dung | 2 | |
| 8 | Giường sưởi ấm em bé | 4 | |

Khánh Hòa, ngày 15.. tháng 7.. năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



ThS.BS. *Phạm Quốc Dũng*

Số: 4072/QĐ-VMNT

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt danh sách Giảng viên nội bộ giảng dạy thực hành dành cho sinh viên Điều dưỡng

Căn cứ Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang;

Căn cứ vào tình hình tổ chức và hoạt động của Bệnh viện;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành danh sách Giảng viên nội bộ giảng dạy thực hành dành cho sinh viên điều dưỡng 04 ngành: Điều dưỡng; Hộ sinh, Kỹ thuật Xét nghiệm y học và Kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh.

Điều 2: Các thành viên trong danh sách Giảng viên nội bộ chịu trách nhiệm và phối hợp với các Trường về việc xây dựng chương trình giảng dạy dành cho đối tượng sinh viên Điều dưỡng đảm bảo các nội dung được thực hiện đầy đủ, hiệu quả.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 2
- Lưu PNS



THS. BS. PHAN QUỐC DŨNG

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN NỘI BỘ
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH DÀNH CHO SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG

| STT | Họ tên | Năm sinh | Chức danh | Khoa/Phòng | Chuyên ngành | Bằng cấp |
|-----|-----------------------|------------|---------------------------|-----------------------------------|--------------------|----------|
| 1 | Lê Tấn Lực | 12/5/1990 | Trưởng phòng Điều dưỡng | Phòng Điều dưỡng | Điều dưỡng | Thạc sĩ |
| 2 | Lê Ngọc Đức Việt | 3/12/1991 | Điều dưỡng Trưởng khoa | Hồi sức cấp cứu | Điều dưỡng | Đại học |
| 3 | Nguyễn Thị Lệ Quyên | 6/11/1984 | Kỹ thuật viên trưởng nhóm | Xét nghiệm | Xét nghiệm | Đại học |
| 4 | Nguyễn Thị Bích Nhạn | 7/2/1992 | Hộ sinh trưởng nhóm | Sản phụ khoa | Hộ sinh | Đại học |
| 5 | Trần Anh Trinh | 20/3/1984 | Điều dưỡng viên | N.ii - Sơ sinh | Điều dưỡng | Đại học |
| 6 | Nguyễn Minh Hoàng | 24/10/1991 | Điều dưỡng viên | Gây mê - Phòng mổ - Tiết niệu | Điều dưỡng | Đại học |
| 7 | Nguyễn Ngọc Anh | 22/06/1988 | Kỹ thuật viên | Chẩn đoán hình ảnh | Chẩn đoán hình ảnh | Đại học |
| 8 | Trương Ngọc Tuấn | 6/9/1985 | Điều dưỡng viên | Hồi sức cấp cứu | Điều dưỡng | Đại học |
| 9 | Thiệu Đắc Thịnh | 16/12/1991 | Điều dưỡng viên | Hồi sức cấp cứu | Điều dưỡng | Đại học |
| 10 | Cao Thị Mỹ Châu | 10/3/1993 | Điều dưỡng viên | Nhi - Sơ sinh | Điều dưỡng | Đại học |
| 11 | Lê Trà Thanh Nguyên | 18/7/1991 | Điều dưỡng Trưởng khoa | Gây mê - Phòng mổ - Tiết niệu | Điều dưỡng | Đại học |
| 12 | Lê Khánh Hằng | 10/4/1987 | Điều dưỡng Trưởng khoa | Ngoại - Liên chuyên khoa | Điều dưỡng | Đại học |
| 13 | Đào Thị Như Quỳnh | 26/03/1983 | Điều dưỡng viên | Nội tổng hợp & Khám bệnh | Điều dưỡng | Đại học |
| 14 | Lê Thị Hiền | 18/10/1985 | Điều dưỡng Trưởng khoa | Nhi - Sơ sinh | Điều dưỡng | Đại học |
| 15 | Lưu Chí Hiếu | 4/7/1988 | Điều dưỡng Trưởng khoa | Nội tổng hợp & Khám bệnh | Điều dưỡng | Thạc sĩ |
| 16 | Trần Thụy Bảo Trâm | 3/11/1994 | Điều dưỡng viên | Ngoại tổng hợp - Liên chuyên khoa | Điều dưỡng | Đại học |
| 17 | Hoàng Đình Khoa | 1/5/1993 | Kỹ thuật viên | Chẩn đoán hình ảnh | Chẩn đoán hình ảnh | Đại học |
| 18 | Lại Thị Thu Bồn | 10/5/1988 | Điều dưỡng viên | Hồi sức cấp cứu | Điều dưỡng | Đại học |
| 19 | Nguyễn Thị Hồng Trang | 15/06/1987 | Điều dưỡng viên | Phòng Điều dưỡng | Điều dưỡng | Đại học |

Tất cả Giảng viên trong danh sách đã có Giấy chứng nhận “Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe” được cấp bởi Trường Đại học VinUni theo QĐ A.110-GCN-GVLS ngày 27/05/2025.